

CÔNG TY CỔ PHẦN HÔNG HÀ DẦU KHÍ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11- 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa **Petroleum**.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2010 thì: Vốn Điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam).

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PHH:

Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hội khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng Công ty Sông Hồng		(*)	
2	Lê Hoàng Anh	Số 5 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, Quận Đống Đa, Hà Nội.	257.100	34,70%
3	Hoàng Quốc Huy	20 ngách 165/4 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	187.960	25,37%
4	Đoàn Thị Bích Hà	Nhà 6C – P4 Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội	131.100	17,69%
5	Nguyễn Hải Sơn	42B Hàng Cót, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.200	0,16%
6	Lê Quang Việt	422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	146.400	19,76%
7	Lê Phong	Số 5, Hàng Bún, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội	17.200	2,32%
	Cộng		740.960	100,00%

(*) Đã chuyển nhượng cổ phần

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép; Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
- + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
- + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ cũ: 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội

- Địa chỉ hiện tại: K3B Thành Công - Ba Đình - Hà Nội

- Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|-------------------------|--------------|
| - Ông Lê Hoàng Anh | Chủ tịch |
| - Ông Hoàng Quốc Huy | Phó Chủ tịch |
| - Bà Đoàn Thị Bích Hà | Ủy viên |
| - Ông Trịnh Thanh Giảng | Ủy viên |
| - Ông Trần Văn Long | Ủy viên |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc

- Ông Hoàng Quốc Huy	Tổng Giám đốc
- Bà Đoàn Thị Bích Hà	Phó Tổng giám đốc
- Ông Huỳnh Thanh Quyết	Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Văn Long	Phó Tổng giám đốc
- Ông Phạm Vinh Hiền	Phó Tổng giám đốc
- Bà Lê Hoài Thu	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Hoàng Quốc Huy

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011
của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 được lập ngày 27 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 35 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2011:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

Công ty chưa thực hiện đánh giá khoản dự phòng cần thiết nếu có liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn khác. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa được cung cấp báo cáo tài chính của các Công ty nhận đầu tư nêu trên nên không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán khác để xác định có cần thiết phải lập dự phòng hoặc lượng hóa khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2011.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười một (11) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí giữ 10 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Phạm Ngọc Toán
Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ.0024/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Vân
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0946/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		724.591.962.731	698.597.776.739
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	75.501.372.873	130.112.931.224
1 Tiền	111		55.501.372.873	129.362.931.224
2 Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	750.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	47.000.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.2.	4.000.000.000	47.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		358.395.051.743	360.076.709.822
1 Phải thu của khách hàng	131		202.830.659.887	268.008.093.990
2 Trả trước cho người bán	132		53.750.316.226	23.734.210.866
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	101.814.075.630	68.334.404.966
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140	V.4.	271.032.370.209	150.940.782.563
1 Hàng tồn kho	141		271.032.370.209	150.940.782.563
V Tài sản ngắn hạn khác	150		15.663.167.906	10.467.353.130
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		39.720.463	15.877.407
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.546.583.017	1.401.701.187
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.683.818.294	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.1.	7.393.046.132	9.049.774.536
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		253.519.375.972	267.868.793.396
I Các khoản phải thu dài hạn	210	V.5.	-	800.000.000
II Tài sản cố định	220		99.615.693.784	99.389.115.385
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	22.011.500.720	44.991.725.867
- Nguyên giá	222		48.085.342.476	66.344.342.757
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.073.841.756)	(21.352.616.890)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	1.372.843.100	491.475.600
- Nguyên giá	228		1.372.843.100	491.475.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	76.231.349.964	53.905.913.918
III Bất động sản đầu tư	240	V.9.	900.000.000	3.987.117.500
- Nguyên giá	241		900.000.000	3.987.117.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		107.223.000.000	102.063.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		24.000.000.000	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.10.	83.223.000.000	102.063.000.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		3.023.840.188	9.894.608.511
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	3.015.936.523	9.894.608.511
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16.	7.903.665	-
VI Lợi thế thương mại	269	VIII.2.	42.756.842.000	51.734.952.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		978.111.338.703	966.466.570.135

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		687.581.348.543	633.723.300.819
I Nợ ngắn hạn	310		579.842.637.281	521.210.381.577
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12.	127.786.187.705	89.486.620.149
2 Phải trả người bán	312		275.879.615.331	245.179.531.361
3 Người mua trả tiền trước	313		84.117.493.000	158.179.549.521
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13.	10.257.228.756	9.068.926.747
5 Phải trả người lao động	315		818.049.066	958.117.762
6 Chi phí phải trả	316	V.14.	64.072.704.261	22.714.727
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15.	13.292.440.554	14.223.235.086
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.618.918.608	4.091.686.224
II Nợ dài hạn	330		107.738.711.262	112.512.919.242
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.16.	107.726.418.080	112.446.427.120
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.16.	-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.17.	12.293.182	66.492.122
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		247.124.907.427	289.245.654.588
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	247.124.907.427	289.245.654.588
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.826.774.500
4 Cổ phiếu quỹ	414		(20.556.210.837)	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		10.703.477.736	10.709.722.224
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.270.337.644	2.269.684.888
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.082.251.900	4.082.251.900
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(9.071.723.516)	12.357.221.076
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		43.405.082.733	43.497.614.728
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		978.111.338.703	966.466.570.135

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập

T.L Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoa Vinh

Phạm Thị Hải Yến

Hoàng Quốc Huy

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH KINH HỢP NHẤT
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19.	719.316.073.132	873.791.150.323
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.20.	22.422.920.000	1.910.479.804
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.21.	696.893.153.132	871.880.670.519
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.22.	643.862.808.063	789.780.713.523
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		53.030.345.069	82.099.956.996
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23.	20.969.403.231	9.542.362.008
7 Chi phí tài chính	22	VI.24.	33.141.202.590	17.586.398.117
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>15.133.313.702</i>	<i>9.919.731.451</i>
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.3.	-	126.199.205
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.4.	41.604.607.361	45.626.491.881
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(746.061.651)	28.303.229.801
11 Thu nhập khác	31	VIII.5.	1.628.320.030	919.873.170
12 Chi phí khác	32	VIII.6.	1.073.649.856	399.614.917
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		554.670.174	520.258.253
14 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(191.391.477)	28.823.488.054
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.906.546.073	8.905.175.186
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(7.903.665)	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(5.090.033.885)	19.918.312.868
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		447.098.673	1.021.269.903
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(5.537.132.558)	18.897.042.965
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26.	(294)	2.327

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập

T.L Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoa Vinh

Phạm Thị Hải Yến

Hoàng Quốc Huy

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		1.102.687.498.126	1.137.296.839.596
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(1.069.942.245.877)	(1.052.946.247.513)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.840.756.755)	(25.370.787.652)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(33.511.443.990)	(11.392.084.234)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(12.229.953.263)	(4.140.777.054)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		47.363.962.528	250.626.273.618
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(78.840.399.285)	(366.268.085.747)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(78.313.338.516)	(72.194.868.986)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn	21		(16.735.671.713)	(14.763.359.095)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS dài hạn	22		1.295.573.887	763.208.000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(196.500.000.000)	(12.020.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		246.740.000.000	20.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(42.215.270.000)	(119.754.700.000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		22.793.000.000	300.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.394.417.651	5.151.087.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		24.772.049.825	(140.303.763.361)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	199.252.600.000
2 Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		(20.526.195.456)	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		199.038.008.863	300.329.477.316
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(165.458.450.347)	(173.531.126.823)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.123.632.720)	(6.204.920.234)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.070.269.660)	319.846.030.259
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(54.611.558.351)	107.347.397.912
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		130.112.931.224	22.765.533.312
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	75.501.372.873	130.112.931.224

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

Người lập

T.L Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoa Vinh

Phạm Thị Hải Yến

Hoàng Quốc Huy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2010 thì: Vốn Điều lệ của Công ty là **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam).

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PHH:

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép; Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
 - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
 - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.
- Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ cũ: 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội
- Địa chỉ hiện tại: K3B Thành Công - Ba Đình - Hà Nội
- Tel: (84-4) 35 540 845 Fax: (84-4) 35 540 847

4. Danh sách các Công ty con được thực hiện hợp nhất

- Tổng số các Công ty con: 07 Công ty
 - Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 07 Công ty.
 - Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

1. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1

- Địa chỉ: 206A Nguyễn Trãi - Trung Văn - Từ Liêm - Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 75,50%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 75,50%

2. Công ty CP Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí

- Địa chỉ: Tầng 9 Cotana Group Building, CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51,00%

3. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí

- Địa chỉ: Tầng 3 Nhà C, 125 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 59,72%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 59,72%

4. Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công

- Địa chỉ: K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100,00%

5. Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội

- Địa chỉ: K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 92,35%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

6. Công ty Cổ phần Hồng Hà Sài Gòn

- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 92,35%
- Địa chỉ: 96/108 Đường Trục, phường 13, Q. Bình Thạnh, HCM.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,87%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,87%

7. Công ty Cổ phần sản xuất Cửa Hoa Kỳ

- Địa chỉ: Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 50,12%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 50,12%

Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn tại Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà cho ông Trần Vinh Vũ; chuyển nhượng toàn bộ phần vốn tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 02/2011/QL-CNVG ngày 30/6/2011 cho Công ty CP Xây dựng và Đầu tư thương mại Việt Hàn.

5. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh vào trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Sông Đáy - Hồng Hà Dầu khí

- Địa chỉ: Số 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 44,44%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 44,44%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Đầu tư vào Công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối tại ngày 31/12/2011. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất, được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số". Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty con.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lãi (lỗ) của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi (lỗ) chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty liên kết chưa được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp".

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2011

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp thực tế đích danh
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho :* Phương pháp kê khai thường xuyên.
- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm ></u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	15
- Máy móc, thiết bị	2-7
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5-10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất tại KDC Vĩnh Phú 1, phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội và góp vốn vào Công ty TNHH ChacKKaPhanh MiNing Group và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

Các chi phí đi vay phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy theo đúng điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị thương hiệu và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được mua lại do chính Công ty phát hành không nhằm mục đích để bán và được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Khoản cổ phiếu mà công ty con mua lại của Công ty mẹ được trình bày là khoản Cổ phiếu quỹ.

Đợt 1: Theo Nghị quyết 01-1/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/01/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 08/02/2011 đến 31/03/2011 và thông báo chấp thuận của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 29/02/2011. Kết quả của đợt mua lại cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại 1.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 13.729.670.000 VND.

Đợt 2: Theo Nghị quyết 05-2/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 21/04/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 06/05/2011 đến 06/07/2011. Kết quả của đợt mua lại cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại 786.000 cổ phiếu với tổng giá trị 6.826.540.837 VND.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu bán, cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê văn phòng, nhà xưởng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

- Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.
- Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng và máy móc thiết bị được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

- Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận hàng bán bị trả lại

Hàng bán bị trả lại của Công ty là giá trị chuyển nhượng văn phòng tầng 6 và 7 tòa nhà K3B Thành Công với giá trị là 22.422.920.000 đồng, được ghi nhận theo Biên bản làm việc thống nhất của hai bên, Biên bản thanh lý hợp đồng và Biên bản bàn giao mặt bằng tầng 6 và 7. Do bên nhận chuyển nhượng thay đổi nên đã không thực hiện được theo hợp đồng chuyển nhượng văn phòng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, sau khi đã trừ đi phần chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí tài chính báo nợ xuống các chi nhánh, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn, khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhằm mục đích mua sắm tài sản cố định, khoản vay qua phát hành trái phiếu của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với các hoạt động xây lắp và hoạt động khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, cho thuê Thiết bị, bán Vật tư.

- Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế của từng công trình phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.
- Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị và cho thuê văn phòng, mặt bằng nhà xưởng là chi phí khấu hao và các chi phí khác phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.
- Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản giảm của Công ty là 9.381.528.086 đồng, là nhận lại giá trị chuyển nhượng văn phòng tầng 6 và tầng 7 tòa nhà K3B Thành Công được ghi nhận căn cứ vào biên bản làm việc thống nhất của hai bên, biên bản bàn giao mặt bằng và Biên bản thanh lý hợp đồng.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	737.018.137	959.848.440
Tiền gửi ngân hàng	54.764.354.736	128.403.082.784
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	47.009.570.269	116.681.074.050
Văn phòng Công ty	47.009.570.269	116.506.152.532
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Hà Nội	27.076.207.709	104.670.262.255
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	19.933.070.520	11.783.164.974

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

Ngân hàng Thương mại Công thương Trần Hưng Đạo	-	1.025.265
Ngân hàng Quân đội - Tài khoản phong tỏa	10.197	50.773.547
Ngân hàng Techcombank - Chi nhánh Hai Bà Trưng	281.843	926.491
Chi nhánh Đà Nẵng	-	15.994.595
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng	-	15.994.595
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	-	158.926.923
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	2.974.984.828	6.334.698.650
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	2.942.392.485	6.314.073.145
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	32.592.343	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	-	14.791.880
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Đống Đa	-	5.833.625
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	-	333.217.118
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	-	325.092.060
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	8.125.058
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí	30.621.141	198.064.482
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	30.621.141	198.064.482
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	-	50.993.810
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	-	24.290.973
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	-	1.101.247
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hòa Bình	-	25.601.590
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	1.009.465.956	4.359.496.708
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	1.009.465.956	4.359.496.708
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	1.898.620.182	445.537.966
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hà Nội	-	2.794.729
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tây Hồ	-	30.950.151
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	1.214.762
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - PGD Giang Văn Minh	-	74.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	1.898.620.182	409.372.259
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tiền Hải	-	1.132.065
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	1.245.904.736	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thanh Xuân	1.245.904.736	-
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	109.600.604	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân	981.068	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Hoàn Kiếm	108.619.536	-
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	485.587.020	-
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	750.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	20.000.000.000	750.000.000
Tổng cộng	75.501.372.873	130.112.931.224

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ủy thác quản lý vốn Công ty Tài chính CP Điện lực	4.000.000.000	47.000.000.000
Tổng cộng các khoản đầu tư tài chính	4.000.000.000	47.000.000.000
3. Các khoản phải thu khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí</i>	99.345.777.732	65.794.683.676
Công ty Xây dựng số 24	155.970.336	155.970.336
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty TNHH XD&TM Quang Long	15.676.000.000	-
Công ty Cơ khí Xây dựng Gia Hoàng	-	100.000.000
Thu thanh lý tài sản	212.810.000	212.810.000
Bảo hiểm y tế	29.129.952	234.931.280
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.436.929.990	3.436.929.990
Trung tâm Tư vấn chuyển giao CN nước sạch và môi trường	140.517.000	140.517.000
Ông Trung Anh	171.307.223	230.660.132
Đối tượng khác	18.497.557.331	257.309.038
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1</i>	381.258.863	181.691.644
Thuế thu nhập cá nhân	93.803.240	47.959.331
Bảo hiểm xã hội	45.742.681	32.911.569
Bảo hiểm y tế	30.279.577	6.662.517
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.651.227
Phải thu khác	211.433.365	91.507.000
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí</i>	15.257.257	2.400.898
Bảo hiểm y tế	13.598.809	1.820.849
Phải thu khác	1.658.448	580.049
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long</i>	-	155.065.865
Thu khác	-	5.065.865
Ủng hộ thôn Suối Nảy	-	150.000.000
<i>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>	428.507.276	703.000.000
Phải thu của Ban quản lý dự án	-	14.500.000
Công ty TNHH Knight Frank Việt Nam	390.000.000	390.000.000
Các khoản phải thu khác	38.507.276	298.500.000
<i>Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công</i>	1.431.986.193	1.497.562.883
Phòng kinh doanh	-	59.451.715
Tiền phạt thuế	216.054.235	151.764.884
BHXH, BHYT, KPCĐ	53.908.582	46.960.474
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.250.261
Nguyễn Văn Tịnh	175.000.000	175.000.000
Nguyễn Thu Nga	217.089.361	217.089.361

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

Ông Trương	229.378.753	229.378.753
Phạm Khắc Xương	169.807.840	169.807.840
Công ty Cổ phần TV Kinh tế kỹ thuật XD Việt Nam	-	228.080.000
Nguyễn Phúc Thịnh	51.000.000	51.000.000
Đối tượng khác	319.747.422	167.779.595
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	24.393.293	-
Phải thu BHXH	24.366.493	-
Phải thu khác	26.800	-
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	18.300.000	-
Thưởng nhân viên. quà ngày tết cho con em CBCNV	17.300.000	-
Chi phí ủng hộ	1.000.000	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	168.595.016	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Du lịch Mặt Trời Việt	146.300.000	-
Các đối tượng khác	22.295.016	-
Tổng cộng	101.814.075.630	68.334.404.966
4. Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.759.129.348	388.293.489
Công cụ, dụng cụ	3.475.238	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	262.365.463.082	150.388.797.307
Thành phẩm	-	163.691.767
Hàng hóa	904.302.541	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	271.032.370.209	150.940.782.563
(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại 31/12/2011 là các công trình: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Chung cư cao tầng CT9; Bệnh viện K - Cơ sở Tân Triều; Công trình K3B Thành công...		
5. Các khoản Phải thu dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Bất động sản Thành Nam	-	800.000.000
Tổng cộng	-	800.000.000
6. Tài sản cố định hữu hình (trang 22)		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2011	8.196.661.122	48.818.747.474	8.432.037.234	896.896.927	66.344.342.757
Mua trong năm	-	3.111.636.364	1.270.068.182	114.710.000	4.496.414.546
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	814.392.529	433.229.233	12.078.500	92.298.156	1.351.998.418
Thanh lý, nhượng bán	(4.023.329.404)	(1.537.122.771)	(999.761.909)	(409.194.539)	(6.969.408.623)
Giảm khác	(674.071.541)	(15.759.877.717)	(647.070.364)	(56.985.000)	(17.138.004.622)
Số dư ngày 31/12/2011	4.313.652.706	35.066.612.583	8.067.351.643	637.725.544	48.085.342.476
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2011	2.281.168.053	15.456.716.213	3.087.103.411	527.629.213	21.352.616.890
Khấu hao trong năm	585.503.457	5.877.777.160	1.412.688.266	180.725.495	8.056.694.378
Tăng khác	525.794.441	413.541.300	12.078.500	89.581.378	1.040.995.619
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.135.644.153)	(1.085.874.709)	(723.605.909)	(329.219.950)	(3.274.344.721)
Giảm khác	(67.407.154)	(800.904.699)	(208.511.426)	(25.297.131)	(1.102.120.410)
Số dư ngày 31/12/2011	2.189.414.644	19.861.255.265	3.579.752.842	443.419.005	26.073.841.756
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2011	5.915.493.069	33.362.031.261	5.344.933.823	369.267.714	44.991.725.867
Tại ngày 31/12/2011	2.124.238.062	15.205.357.318	4.487.598.801	194.306.539	22.011.500.720

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 844.753.405 VND;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 290.000.000 VND;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

10. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Đầu tư cổ phiếu dài hạn		83.223.000.000		102.063.000.000
	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh				
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	-	-	-	18.840.000.000
Công ty ChacKKaPhanh MiNing Group	-	77.022.500.000	-	77.022.500.000
Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	-	4.200.500.000	-	4.200.500.000
Tổng cộng		83.223.000.000		102.063.000.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí</i>	5.282.728	2.017.234.085
Giá trị lợi thế vị trí địa lý	-	715.069.010
Giá trị thương hiệu	-	150.000.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.282.728	1.152.165.075
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1</i>	136.053.065	248.173.976
Chi phí thuê văn phòng	136.053.065	32.241.000
Chi phí cải tạo sửa chữa	-	28.256.543
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	185.178.433
Cước VNPT-Tờ khai thuế qua mạng Internet	-	2.498.000
<i>Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà</i>	-	34.724.564
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	34.724.564
<i>Công ty CP Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí</i>	48.794.972	115.711.572
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.584.288	35.290.201
Chi phí sửa chữa văn phòng tại CC5A	40.210.684	80.421.371
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long</i>	-	7.259.911.347
Giá trị Quyền sử dụng đất có thời hạn 39 năm	-	564.029.128
Chi phí trước hoạt động chờ phân bổ	-	3.018.324.485
Chi phí thiết kế mỏ	-	50.000.000
Chi phí vận chuyển cấp quang ra mỏ đá	-	50.000.000
Công cụ dụng cụ	-	483.241.417
Chi phí lãi vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	24.529.933
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	-	444.637.570
Chi phí bán hàng	-	136.886.991
Chi phí sản xuất chung	-	2.488.261.823

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

<i>Công ty CP Tư Hiệp Dầu khí</i>	153.806.235	141.372.967
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	153.806.235	141.372.967
<i>Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công</i>	-	77.480.000
Chi phí tiền thuê nhà	-	77.480.000
<i>Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn</i>	1.373.904.628	-
Công cụ, dụng cụ	165.646.997	-
Chi phí khác	1.208.257.631	-
<i>Công ty CP Hồng Hà Hà Nội</i>	287.160.014	-
Chi phí thuê văn phòng	78.000.000	-
Chi phí thuê kho	45.144.000	-
Công cụ dụng cụ	164.016.014	-
<i>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>	1.010.934.881	-
Công cụ, dụng cụ	1.010.934.881	-
Tổng cộng	<u>3.015.936.523</u>	<u>9.894.608.511</u>
12. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	127.786.187.705	89.486.620.149
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	117.666.648.144	76.515.910.779
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân (1)	36.755.513.724	18.583.135.500
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN tây Hà Nội (2)	80.911.134.420	53.283.354.013
Ngân hàng TMCP Quân đội CN Bắc Sài Gòn	-	4.649.421.266
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	10.119.539.561	12.670.709.370
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (3)	10.119.539.561	12.670.709.370
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long	-	300.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thanh Xuân	-	300.000.000
Tổng cộng	<u>127.786.187.705</u>	<u>89.486.620.149</u>

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo thông báo hạn mức tín dụng số 536/TB-MB-TXU ngày 14/09/2011 lãi suất thả nổi được xác định bằng tổng của lãi suất tham chiếu và lãi suất biên, thời hạn vay từ 4 đến 6 tháng.

(2) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam lãi suất thả nổi, lãi suất ngày ký hợp đồng 20%/năm, điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Thời hạn vay 06 tháng.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số: 04.09.003.44541 TD ngày 12/6/2009, số 316.10.003.44541 TD ngày 21/4/2010, số 303.10.003.44541 TD ngày 16/8/2010 và số 356.10.003.44541 TD ngày 28/10/2010. Số tiền vay, thời hạn vay và lãi suất áp dụng ghi nhận theo từng khế ước cho mỗi lần vay. Đây là hợp đồng tín chấp. Lãi suất áp dụng cho từng khoản vay sẽ được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Tài sản cố định dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Honda CRV, sản xuất năm 2008, màu nâu vàng, số khung: RLHRE 3871AY00039, số máy: 4840391, BKS 30Z-9957

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.707.594.171	2.807.091.109
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	319.148.378	6.065.433.339
Thuế Thu nhập cá nhân	230.486.207	184.420.834
Các loại thuế khác	-	11.981.465
Tổng cộng	10.257.228.756	9.068.926.747
14. Chi phí phải trả	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí	64.072.704.261	22.714.727
Tổng cộng	64.072.704.261	22.714.727
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí</i>	<i>4.314.065.836</i>	<i>1.338.135.452</i>
Kinh phí công đoàn	-	165.995.505
Bảo hiểm xã hội	-	30.587.562
Cổ tức phải trả	775.262.000	301.978.000
Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn	390.000.000	390.000.000
Trường trung cấp cảnh sát vũ trang	-	200.000.000
Đặt cọc thuê thiết bị	-	160.000.000
Phải trả khác	3.148.803.836	89.574.385
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1</i>	<i>233.212.183</i>	<i>1.132.861.943</i>
Kinh phí công đoàn	35.656.000	31.777.000
Công ty TNHH Cơ kim khí Huy Thành - TSCĐ	-	1.100.000.000
Phải trả khác	197.556.183	1.084.943
<i>Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà</i>	<i>-</i>	<i>19.946.895</i>
Kinh phí công đoàn	-	3.020.400
Bảo hiểm xã hội	-	6.425.600
Bảo hiểm y tế	-	963.840
Bảo hiểm thất nghiệp	-	642.560
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	8.894.495
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Hồng Hà Dầu khí</i>	<i>42.638.448</i>	<i>20.269.714</i>
Bảo hiểm xã hội	1.130.198	2.293.525
Bảo hiểm thất nghiệp	-	270.790
Phải trả phải nộp khác	41.508.250	17.705.399
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long</i>	<i>-</i>	<i>3.540.074.734</i>
Doanh nghiệp tư nhân Vũ Long	-	931.825.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xây lắp điện Tân Kiên	-	18.069.750
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu cơ điện Thanh Phong	-	390.179.984
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Thương mại Việt Hàn	-	2.200.000.000

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	17.150.000	55.223.563
Phải trả khác	17.150.000	55.223.563
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	7.599.146.947	8.116.722.785
Kinh phí công đoàn	-	6.493.001
BHYT	-	9.827.069
Vũ Kim Dung	52.862.758	52.862.758
Trần Thị Thiên Hương	-	14.540.758
Đỗ Thị Mai	-	14.726.251
Lê Ngọc Hân	-	24.500.000
Trần Giang	18.000.000	18.000.000
Phí Thị Xuân	-	15.400.000
Trần Văn Hùng	14.906.140	14.906.140
Phạm Thanh Sơn	344.866.436	-
Ban dự án	1.307.460.126	1.307.460.126
Công ty CP Thanh Phong- Chi nhánh Sơn La	3.463.336.976	1.855.508.650
Xí nghiệp Xây dựng Công trình	2.322.504.852	4.717.830.757
Phải trả phải nộp khác	75.209.659	64.667.275
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	46.577.960	-
Kinh phí công đoàn	45.803.448	-
BHYT	774.512	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	213.955.091	-
Kinh phí công đoàn	94.049.142	-
Bảo hiểm xã hội	47.898.445	-
Bảo hiểm y tế	10.877.862	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.522.216	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.607.426	-
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	825.694.089	-
Phải trả khác	825.694.089	-
Tổng cộng	13.292.440.554	14.223.235.086
16. Vay và nợ dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	107.726.418.080	112.446.427.120
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí	107.726.418.080	111.869.827.120
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Thanh Xuân (i)	7.726.418.080	11.869.827.120
Trái phiếu phát hành (ii)	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Quang Long	-	576.600.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	-	576.600.000
Tổng cộng	107.726.418.080	112.446.427.120

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

(i) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng vay số 247.09.003.5466.TD thời hạn vay 4 năm, lãi suất thả nổi 10,5%/năm.

(ii) Khoản trái phiếu phát hành theo hợp đồng tư vấn và bảo lãnh phát hành số 021-10/TVPH-BLPH/EVNFC-ĐTTV kỳ hạn 2 năm, kỳ trả lãi 6 tháng một lần lãi suất kỳ đầu tiên là 15%/năm, lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh 6 tháng một lần với lãi suất bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả sau, lãi suất biên 4,5%/năm.

17. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Doanh thu Thiết kế bản vẽ công trình	12.293.182	66.492.122
Tổng cộng	12.293.182	66.492.122

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	50.000.000.000	19.879.625.000	20.263.796.205	90.143.421.205
Tăng vốn trong năm	150.000.000.000	43.876.800.000	-	193.876.800.000
Lãi trong năm	-	-	18.897.042.965	18.897.042.965
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	(3.929.650.500)	(26.803.618.094)	(30.733.268.594)
Số dư tại ngày 31/12/2010	200.000.000.000	59.826.774.500	12.357.221.076	272.183.995.576
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	(5.537.132.558)	(5.537.132.558)
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	(130.000.000)	(15.891.812.034)	(16.021.812.034)
Số dư tại ngày 31/12/2011	200.000.000.000	59.696.774.500	(9.071.723.516)	250.625.050.984

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	200.000.000.000	200.000.000.000
Tổng cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	150.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.727.856.000	10.808.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa công bố

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa công bố

d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.786.000	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.786.000</i>	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.214.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.214.000</i>	<i>20.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

- **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu**

e) Các quỹ của công ty	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2011
Quỹ đầu tư phát triển	10.709.722.224	7.550.000	13.794.488	10.703.477.736
Quỹ dự phòng tài chính	2.269.684.888	7.550.000	6.897.244	2.270.337.644
Tổng Cộng	12.979.407.112	15.100.000	20.691.732	12.973.815.380

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	674.581.665.266	806.624.638.366
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	36.664.772.727	26.472.920.000
Doanh thu hoạt động khác	8.069.635.139	40.693.591.957
Tổng cộng	719.316.073.132	873.791.150.323
20. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giảm giá hàng bán (điều chỉnh giảm quyết toán công trình)	-	1.910.479.804
Hàng bán bị trả lại	22.422.920.000	-
Cộng	22.422.920.000	1.910.479.804

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	674.581.665.266	804.714.158.562
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	14.241.852.727	26.472.920.000
Doanh thu khác	8.069.635.139	40.693.591.957
Tổng cộng	696.893.153.132	871.880.670.519
22. Giá vốn hàng bán	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	641.538.139.963	747.477.047.213
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	(2.949.771.438)	11.144.262.086
Giá vốn hoạt động khác	5.274.439.538	31.159.404.224
Tổng cộng	643.862.808.063	789.780.713.523
23. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.337.439.510	1.211.153.027
Lãi đầu tư trái phiếu, cổ phiếu	-	38.800.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.840.924.760	119.920.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	131.684.788
Lãi ký quỹ	23.580	2.637.990
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.791.015.381	8.038.165.403
Tổng cộng	20.969.403.231	9.542.362.008
24. Chi phí tài chính	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay Ngân hàng	15.133.313.702	9.919.731.451
Chi phí lãi trái phiếu	17.221.388.888	7.666.666.666
Chi phí tài chính khác	786.500.000	-
Tổng cộng	33.141.202.590	17.586.398.117
25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	887.141.891.871	848.124.226.374
Chi phí nhân công	137.212.166.535	152.423.740.962
Chi phí dụng cụ	-	-
Chi phí máy thi công	45.437.520.908	46.774.036.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.056.694.378	8.183.931.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	101.351.045.141	107.840.369.148
Tổng cộng	1.179.199.318.833	1.163.346.304.192
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.537.132.558)	18.897.042.965

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.537.132.558)	18.897.042.965
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.863.266	8.119.178
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(294)	2.327

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

27. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Đầu tư dài hạn bằng tài sản cố định	25.680.000.000	-
Đầu tư dài hạn bằng khoản đầu tư dài hạn	2.375.270.000	-
Chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn	6.227.000.000	-
Lỗ do chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn	785.000.000	-

VIII. Những thông tin khác

1. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	1.868.149.838	1.991.796.178
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí</i>	-	80.078.300
Văn phòng Công ty	-	42.797.300
<i>Ngô Thị Ngọc Lan</i>	-	36.797.300
<i>Đỗ Thành Trung</i>	-	3.000.000
<i>Đỗ Minh Lai</i>	-	3.000.000
Chi nhánh Đà Nẵng	-	4.881.000
<i>Lê Văn Tuấn</i>	-	4.881.000
Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-	32.400.000
<i>Lê An Giang</i>	-	8.000.000
<i>Nguyễn Ngọc Lương</i>	-	22.900.000
<i>Nguyễn Thị Hồng Nhung</i>	-	1.500.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	129.564.000	117.018.000
Lý Đăng Toàn	-	5.000.000
Nguyễn Minh Cảnh	7.018.000	7.018.000
Nguyễn Văn Huy	2.000.000	2.000.000
Nguyễn Việt Hùng	3.000.000	3.000.000
Đặng Quốc Thái	100.000.000	100.000.000
Đàm Đức Khiêm	10.586.000	100.000.000
Nguyễn Mạnh Chiến	6.960.000	100.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	-	256.462.094
Nguyễn Đình Thanh	-	10.000.000
Nguyễn Quý Hoan	-	14.919.818

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

Vũ Ngọc Tuệ	-	25.000.000
Nguyễn Hữu Tuất	-	143.389.351
Nguyễn Thị Tuyết Mai	-	7.173.450
Trần Thanh Tùng	-	5.055.265
Đặng Văn Thuần	-	11.975.199
Châu Ngọc Hiền	-	10.000.000
Các đối tượng khác	-	28.949.011
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	11.000.000	2.000.000
Trịnh Thanh Bình	6.000.000	2.000.000
Nguyễn Văn Hùng	5.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	1.486.472.838	1.536.237.784
Hoàng Minh Cường	160.949.342	160.949.342
Nguyễn Vũ Dũng	76.483.000	76.483.000
Phan Thanh Thắm	30.000.000	30.000.000
Trần Thị Tuyết Nhung	88.241.690	88.241.690
Trần Văn Hùng	287.162.827	287.162.827
Ban xây dựng	4.057.195	23.825.883
Phòng kinh doanh 1	281.445.488	281.445.488
Phòng kinh doanh 2	539.922.754	539.922.754
Nguyễn Văn Tịnh	-	32.000.000
Các đối tượng khác	18.210.542	16.206.800
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	53.980.000	-
Lê An Giang	4.000.000	-
Đỗ Thị Hà	20.000.000	-
Nguyễn Thị Hồng Nhung	29.980.000	-
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	6.000.000	-
Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ	181.133.000	-
Bùi Huy Long	122.444.000	-
Công trình Cầu Bươu	45.000.000	-
Hoàng Tuấn Nhiên	12.089.000	-
Nguyễn Đức Nam	1.600.000	-
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5.524.896.294	7.057.978.358
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí	5.127.797.014	6.739.870.598
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân	5.127.797.014	6.690.995.158
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	48.875.440
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà số 1	97.099.280	279.107.760
Ký quỹ đảm bảo thanh toán	97.099.280	279.107.760
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Quản lý xây dựng Hồng Hà	-	39.000.000
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	300.000.000	-
Tổng cộng	7.393.046.132	9.049.774.536

Mẫu B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

2. Lợi thế thương mại	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lợi thế thương mại phát sinh từ khoản đầu tư vào:		
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Long</i>	-	3.781.350.000
<i>Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí</i>	36.200.000.000	40.725.000.000
<i>Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công</i>	6.425.424.000	7.228.602.000
<i>Công ty CP sản xuất Cửa Hoa Kỳ</i>	131.418.000	-
Tổng cộng	42.756.842.000	51.734.952.000
Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư của Công ty mẹ và phần giá trị vốn góp thực tế của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính của Công ty con phát sinh khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, được phân bổ đều vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong 10 năm.		
3. Chi phí bán hàng	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	-	87.486.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	19.026.682
Chi phí vận chuyển	-	19.686.023
Tổng cộng	-	126.199.205
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.957.818.698	20.751.767.475
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	93.402.606	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	2.397.466.094	2.486.186.005
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.822.266.343	2.956.010.909
Thuế, phí và lệ phí	243.406.800	327.085.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.545.445.186	8.830.118.593
Chi phí bằng tiền khác	3.202.021.634	4.526.995.119
Lợi thế thương mại	5.342.780.000	5.748.328.000
Tổng cộng	41.604.607.361	45.626.491.881
5. Thu nhập khác	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.189.945.904	824.075.091
Thu nhập khác	438.374.126	95.798.079
Tổng cộng	1.628.320.030	919.873.170
6. Chi phí khác	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	991.761.811	380.222.012
Chi phí khác	81.888.045	19.392.905
Tổng cộng	1.073.649.856	399.614.917

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

(tiếp theo)

7. Báo cáo bộ phận

7.1 Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng Cộng
1 Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	450.925.193.318	25.671.103.250	220.296.856.564	696.893.153.132	-	696.893.153.132
2 Doanh thu thuần bán hàng nội bộ	232.926.786.806	1.683.669.910	69.387.230.215	303.997.686.931	(303.997.686.931)	-
3 Khấu hao và chi phí phân bổ	9.134.832.736	198.952.085	1.890.850.653	11.224.635.474	-	11.224.635.474
4 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(8.853.588.120)	862.382.275	7.799.814.368	(191.391.477)	-	(191.391.477)
5 Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	872.138.176	-	2.781.818.182	3.653.956.358	-	3.653.956.358
6 Tài sản bộ phận	876.586.386.230	9.583.613.271	91.941.339.202	978.111.338.703	-	978.111.338.703
7 Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	876.586.386.230	9.583.613.271	91.941.339.202	978.111.338.703	-	978.111.338.703
8 Nợ phải trả bộ phận	548.697.452.795	7.102.099.351	132.552.957.101	688.352.509.247	(771.160.704)	687.581.348.543
9 Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	548.697.452.795	7.102.099.351	132.552.957.101	688.352.509.247	(771.160.704)	687.581.348.543

7.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Xây lắp	Chuyển nhượng Bất động sản	Các hoạt động khác	Tổng bộ phận đã báo cáo	Loại trừ	Tổng Cộng
1 Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	711.246.437.993	(22.422.920.000)	8.069.635.139	696.893.153.132	-	696.893.153.132
2 Doanh thu thuần bán hàng nội bộ	280.365.132.734	-	23.632.554.197	303.997.686.931	(303.997.686.931)	-
3 Tài sản bộ phận	836.161.569.299	300.000.000	141.649.769.404	978.111.338.703	-	978.111.338.703
4 Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	3.045.578.182	-	608.378.176	3.653.956.358	-	3.653.956.358

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2011

8. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010 của Công ty CP Hồng Hà Dầu khí đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2012

Người lập

T.L Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoa Vinh

Phạm Thị Hải Yến

Hoàng Quốc Huy